TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 12 – 2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Phương

Bà Lê Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nhựt T (tên gọi khác Q), sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 71/5, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Thùy N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

HKTT: Ấp X, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: F 4 – chome 24-ban 12-321-go, B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2021 và tại phiên tòa anh Nguyễn Nhựt T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị N quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2009, đến năm 2016 tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03/12/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ruột anh T. Khoảng tháng 11/2017, anh T sang B hợp tác lao động, tháng 12/2017 chị N cũng sang B để hợp tác lao động. Do không làm cùng công ty, vợ chồng sống cách xa

nhau khoảng 2000km, anh T làm ca ngày, chị N làm ca đêm nên vợ chồng chỉ gặp nhau 01 lần, còn lại liên lạc trao đổi với nhau qua điện thoại được khoảng một năm, vợ chồng không cùng quan điểm về quản lý tiền thu nhập nên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không còn liên lạc với nhau. Khoảng 2018 vợ chồng hàn gắn lại tình cảm với nhau được 01 tháng thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, không còn liên lạc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hết thời hạn hợp đồng lao động, tháng 10/2019 anh T về Việt Nam sinh sống tại nhà cha mẹ ruột anh T, tháng 12/2019 chị N trở về Việt Nam sinh sống tại nhà cha mẹ ruột chị N, tiền thu nhập của ai người đó giữ, không sử dụng chung, không hàn gắn tình cảm, đến tháng 11/2020 chị N tiếp tục sang B lao động không thông báo cho anh T biết. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về nuôi con, chia tài sản và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Văn bản ghi ý kiến ngày 24/6/2021 chị Đặng Thị Thùy N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N thống nhất lời trình bày của anh T về thời gian vợ chồng quan biết, kết hôn và sống chung với nhau cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị N đồng ý ly hôn với anh T.

Về nuôi con, chia tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T và chị N là công dân Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam. Chị N là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam, nhưng tại thời điểm thụ lý vụ án chị N đang sinh sống và lao động tại B. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị N quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2009 và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 03/12/2016 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc, cuối năm 2017 vợ chồng sang B hợp tác lao động tạo thu nhập phát triển kinh tế gia đình. Ở B vợ chồng không cùng quan điểm chi tiêu, quản lý tiền lương nên phát sinh mâu thuẫn, có hàn gắn tình cảm được một tháng và tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, không còn liên lạc và quan

tâm chăm sóc lẫn nhau từ giữa năm 2018. Khi trở về Việt Nam vợ chồng sống xa nhau, không tìm cách hàn gắn tình cảm. Hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T khởi kiện xin ly hôn được chị N đồng ý là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị N thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Nhựt T.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Nhựt T ly hôn với chị Đặng Thị Thùy N.

2. Về nuôi con: Không có.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Nhựt T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004510 ngày 12/12/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Anh T đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Kim Oanh

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (Hằng).